

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HS-ST

Ngày: 18/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH P - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lều Văn Khế;

Ông Phạm Minh Đức;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2019 tại Nhà văn hóa xã PC, thành phố H, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 23/5/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 04/6/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị L** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1977 tại Huyện ThM, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn S, Sinh năm 1955 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1953; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Có 02 con: Con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Lều Ngọc Kh, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn TN, xã TS, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Chị Trần Thị Hồng Th- Có mặt

Địa chỉ: Số MA PNL, QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Tạ Thị O - Vắng mặt

Địa chỉ: Số LK, Thị Trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lều Ngọc Kh, chị Trần Thị Hồng Th và Phạm Thị L có quen biết với nhau. Quá trình chơi với nhau, anh Kh có nói cho L biết anh đã tốt nghiệp đại học muốn xin vào làm việc tại các cơ quan nhà nước. Mặc dù không có chức năng tuyển dụng nhưng L có nói với anh Kh là có quen biết một số lãnh đạo và hứa hẹn sẽ xin được cho anh Kh vào làm việc tại Phòng kết cầu hạ tầng thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên với số tiền 300.000.000 đồng. Sáng ngày 08/3/2018 L và anh Kh hẹn gặp nhau tại nhà L ở Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên để bàn bạc và để anh Kh giao tiền nhờ L xin việc cho. Khoảng 10 giờ ngày 08/3/2018 anh Kh cầm 300.000.000 đồng rồi rủ chị Th đi cùng đến nhà L. Tại nhà của L, anh Kh đã đưa cho chị L số tiền 300.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc. Sau khi nhận tiền và hồ sơ xin việc, L đã tự tay viết Giấy nhận tiền xin việc với nội dung đã nhận của anh Kh 300.000.000 đồng để xin việc cho anh Kh vào làm việc tại Phòng kết cầu hạ tầng thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên. Đồng thời cam kết sau 01 tháng kể từ ngày 08/3/2018 nếu L không xin việc được cho anh Kh thì L sẽ hoàn trả cho anh Kh số tiền đã nhận. Khi anh Kh trao đổi với L về nội dung xin việc và khi L viết Giấy nhận tiền xin việc thì có chị Th chứng kiến và ký xác nhận vào phần người làm chứng của Giấy nhận tiền xin việc. Sau khi nhận tiền L đã không xin được việc cho anh Kh mà sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Anh Kh đã nhiều lần gọi điện và gặp L để đòi tiền nhưng L không trả. Đến ngày 05/7/2018 L tiếp tục viết Giấy xác nhận trả lại tiền xin việc với nội dung hẹn ngày 13/7/2018 sẽ trả lại tiền cho anh Kh. Sau khi chờ mà L vẫn không trả tiền, ngày 17/9/2018 anh Kh đã làm đơn tố cáo gửi đến các cơ quan pháp luật của thành phố H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ 01 Giấy biên nhận tiền xin việc đề ngày 08/3/2018 có chữ ký đứng tên Phạm Thị L dưới phần người viết giấy và có chữ ký đứng tên Trần Thị Th dưới phần người làm chứng (Bản viết tay); 01 Giấy biên nhận trả lại tiền xin việc đề ngày 05/7/2018 có chữ ký đứng tên Phạm Thị L dưới phần người biết giấy biên nhận (Bản viết tay) - do anh Kh giao nộp.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy On 7 màu vàng, số Imei: 354014082647846/01 đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim mang Vinaphone trên bề mặt có dãy số 898402000, 10830894069 và 01 thẻ nhớ có dòng chữ Sandisk ultra (Thu giữ của Phạm Thị L).

Tại Bản kết luận giám định số 25/PC09 ngày 26/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết, chữ ký trong 01 tờ “giấy biên nhận tiền xin việc” đề ngày 08/3/2018 có chữ ký đứng tên Phạm Thị L dưới phần người viết giấy, ký hiệu A1 và 01 tờ “giấy xác nhận trả lại tiền xin việc” đề ngày

05/7/2018 có chữ ký đứng Phạm Thị L dưới phần người viết giấy biên nhận, ký hiệu A2, so với chữ viết, chữ ký trong 01 “bản kiểm điểm” của Phạm Thị L viết ngày 19/11/2018 ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 175/PC09 ngày 14/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Thị Hồng Th dưới phần người làm chứng trong 01 tờ “giấy biên nhận tiền xin việc” đề ngày 08/3/2019 (ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký trong bản tường trình đề ngày 24/12/2018 của Trần Thị Hồng Th (ký hiệu A2) là do cùng một người viết ra; chữ viết trong 01 tờ “giấy biên nhận tiền xin việc” đề ngày 08/3/2018 (ký hiệu A1) so với chữ viết trong 01 bản tường trình của Trần Thị Hồng Th đề ngày 24/12/2018 (ký hiệu M2) không do cùng một người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Kh yêu cầu L phải hoàn trả cho anh số tiền 300.000.000 đồng L đã chiếm đoạt của anh Kh.

Quá trình điều tra, Phạm Thị L đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-TPHY ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Phạm Thị L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt bị cáo từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/01/2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 160, Điều 579 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo L phải hoàn trả lại anh Kh số tiền 300.000.000đ. Bị cáo phải chịu lãi suất nếu không thi hành khoản tiền phải trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên trả lại bị cáo L 01 chiếc điện thoại di động cùng 01 thẻ sim và 01 thẻ nhớ; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng Đơn tố cáo và lời khai của bị hại anh Lều Ngọc Kh; Lời khai của người làm chứng chị Trần Thị Hồng Th, chị Tạ Thị O, chị Bùi Thị V; Bản kiểm điểm, bản tự khai và lời khai của bị cáo; vật chứng là Giấy biên nhận tiền xin việc đề ngày 08/3/2018 và Giấy biên nhận trả lại tiền xin việc đề ngày 05/7/2018, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Các chứng cứ này phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại phiên tòa. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ ngày 08/3/2018 tại nhà riêng của Phạm Thị L ở Thôn ĐT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, L đã dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin thông qua việc hứa hẹn giúp xin việc cho anh Lều Văn Khuê vào làm việc tại Phòng kết cấu hạ tầng thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) của anh Kh.

Hành vi trên của Phạm Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Do vậy việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Phạm Thị L về tội danh và áp dụng điều luật như bản Cáo trạng viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối hận; Bản thân bị cáo và chồng bị cáo là anh Nguyễn Văn Tuấn là người có thành tích trong quá trình công tác, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngoài ra bị hại cũng có lỗi một phần, do anh Kh không nộp hồ sơ xin việc theo đúng thủ tục quy định nên đã tạo cơ hội cho bị cáo L thực hiện được hành vi phạm tội. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm cho chủ sở hữu mất khả năng thực hiện quyền sở hữu của mình. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại, đưa ra các thông tin không đúng sự thật, tự

nhận là có quen biết một số lãnh đạo nên có khả năng xin được việc để bị hại đưa cho số tiền 300.000.000đ nhưng sau đó không xin việc như đã hứa hẹn mà sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Khi bị hại nhiều lần yêu cầu trả lại số tiền đã nhận, bị cáo chỉ hứa hẹn nhưng vẫn không chịu trả tiền. Do vậy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng một bản án mới có tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì tiền lương quý IV năm 2018 của bị cáo 15.408.660đ, sau khi trừ tiền tạm ứng và các khoản đóng góp thì bị cáo còn được lĩnh là 4.862.888đ, tuy nhiên kể từ sau khi bị cáo bị bắt thì bị cáo không còn thu nhập nữa, bản thân bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị anh Kh yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, vì vậy bị cáo phải trả lại anh Kh số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành khoản tiền phải trả trên.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc điện thoại di động cùng 01 thẻ sim và 01 thẻ nhớ là tài sản của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên sẽ trả lại cho bị cáo.

- 01 Giấy biên nhận tiền xin việc đề ngày 08/3/2018 và 01 Giấy biên nhận trả lại tiền xin việc đề ngày 05/7/2018 là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 579, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị L phải hoàn trả anh Lều Văn Khuê số tiền đã chiếm đoạt là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày anh Kh có đơn đề nghị về khoản tiền phải hoàn trả nêu trên, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu bị cáo không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Thị L01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy On 7 màu vàng, số Imei: 354014082647846/01 đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim mang Vinaphone trên bề mặt có dãy số 898402000, 10830894069 và 01 thẻ nhớ có dòng chữ Sandisk ultra.

(Số lượng, đặc điểm của vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số: 19/QĐ-VKS-TPHY ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên).

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 15.200.000đ (Mười năm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND Tp H;
- Công an Tp H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lý